

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h, khoản 2 Điều 39, Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 209/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông N V T, sinh năm: 1952.

- Bà N T T, sinh năm: 1953.

Cùng địa chỉ: Số X, đường Y, tổ Z, Khu phố 5, phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

“Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” là loại việc hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h, khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu giải quyết việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/5/2020 thì quan hệ hôn nhân giữa ông N V T và bà N T T là hợp pháp. Quá

trình chung sống, ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, sự chia sẻ và cảm thông. Dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không đạt kết quả, nay ông bà xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông N V T và bà N T T có 04 (bốn) con chung tên:

+ N T B P, sinh ngày: 12/5/1973, đã trưởng thành.

+ N N Q L, sinh ngày: 14/4/1975, đã trưởng thành.

+ N T P H, sinh ngày: 29/12/1976, đã trưởng thành.

+ N N Q T, sinh ngày: 21/9/1985, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông N V T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2018/0027625 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 03/6/2020. Bà N T T không phải chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông N V T và bà N T T thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông N V T và bà N T T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/5/2020 chấm dứt kể từ ngày quyết định này phát sinh hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông N V T và bà N T T có 04 (bốn) con chung tên:

+ N T B P, sinh ngày: 12/5/1973, đã trưởng thành.

+ N N Q L, sinh ngày: 14/4/1975, đã trưởng thành.

+ N T P H, sinh ngày: 29/12/1976, đã trưởng thành.

+ N N Q T, sinh ngày: 21/9/1985, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông N V T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2018/0027625 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 03/6/2020. Bà N T T không phải chịu lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, TP.HCM;
- UBND phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu